

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN  
TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ  
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

**Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

**Tên viết tắt:** LAWACO

**Địa chỉ trụ sở chính:** 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An

**Điện thoại:** 072.3825.114

**Fax:** 072.3826.040

**Website:** www.lawaco.com.vn

**Người được ủy quyền CBTT:** Võ Minh Thái

**Chức danh:** Trưởng Ban kiểm soát

**Loại thông tin công bố:**

Định kỳ     24h     72h     Theo yêu cầu     Khác

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2021

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 16/03/2022 tại Website: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

**Long An, ngày 16 tháng 03 năm 2022**

**Người được Ủy quyền Công bố thông tin**

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



**Võ Minh Thái**

Phụ lục IV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 204./BCCN

Long An, ngày 15 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO

Thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
  - Giấy CNĐKDN: số 1100101500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 02/12/2021.
  - Vốn điều lệ: 122.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ đồng)
  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 73.200.000.000 (Bảy mươi ba tỷ, hai trăm triệu đồng)
  - Địa chỉ: 250 Hùng Vương, Phường 4, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
  - Số điện thoại: 0272.3825.114
  - Số Fax: 0272.3826.040
  - Website: www.lawaco.com.vn
  - Mã cổ phiếu: LAW
- Quá trình hình thành và phát triển

1956

Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước. Đây là tiền thân của Công ty Cấp nước Long An. Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng



	ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung Cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước.
1979	Do tình hình phát triển Thị xã Tân An nhu cầu nước sạch ngày một tăng cao, để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho khu vực, Xí nghiệp Cấp nước tiến hành xây dựng trạm bơm nước, lấy nước từ sông Bảo Định, xử lý và cung cấp cho khu vực với công suất 8.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.
1992	Ngày 21/11/1992 UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 1186.UB.QĐ.92 đổi tên Xí nghiệp Cấp nước Long An thành Công ty Cấp nước Long An, trực thuộc Sở Xây dựng Long An.
2007	Căn cứ Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006 của Chính phủ về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/05/2007 của UBND Tỉnh Long An về phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Long An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Toàn Công ty có công suất là 37.200 m <sup>3</sup> /ngày đêm, bao gồm sản lượng từ các Xí nghiệp: Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh
2009	Ngày 23/02/2009, UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 519/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Đến ngày 04/12/2009 và 10/11/2011, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 3193/QĐ-UBND và quyết định số 3577/QĐ-UBND để thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cấp nước Long An.
2013	Ngày 24/04/2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An ra Quyết định số 1429/QĐ-UBND chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Ngày 26/06/2013, Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đã đấu giá 3.199.900 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phiếu, giá đấu thành công bình quân là 10.104 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 135 tỷ đồng (căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để cổ



	phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 113.505.614.984 đồng (căn cứ Biên bản số 2408/BB-STC thông qua Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An tại thời điểm ngày 30/09/2013).
2015	Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Long An tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 15/01/2015 trên cơ sở đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An. Ngày 23/04/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng. Ngày 15/05/2015, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 26/11/2015 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội ban hành Quyết định số: 787/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu CTCP Cấp thoát nước Long An
2016	Ngày 30/06/2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng.
2021	Ngày 02/12/2021 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và phân tích các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước	7120
2	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh)	7490
3	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước	7410

PHIẾ  
NG T  
PHÁ  
HOẠT  
NG  
AN-T.



4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; Thi công hệ thống cấp thoát nước	4299
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4669
6	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai	1104 (chính)
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước	4663
8	Dịch vụ khoan giếng	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
9	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3512

- Địa bàn kinh doanh: TP Tân An, huyện Thủ Thừa, huyện Bến Lức, huyện Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc, Xã Bình Tâm, Xã An Vĩnh Ngãi, Xã Hương Thọ Phú, một phần của huyện Châu Thành và một số vùng lân cận.

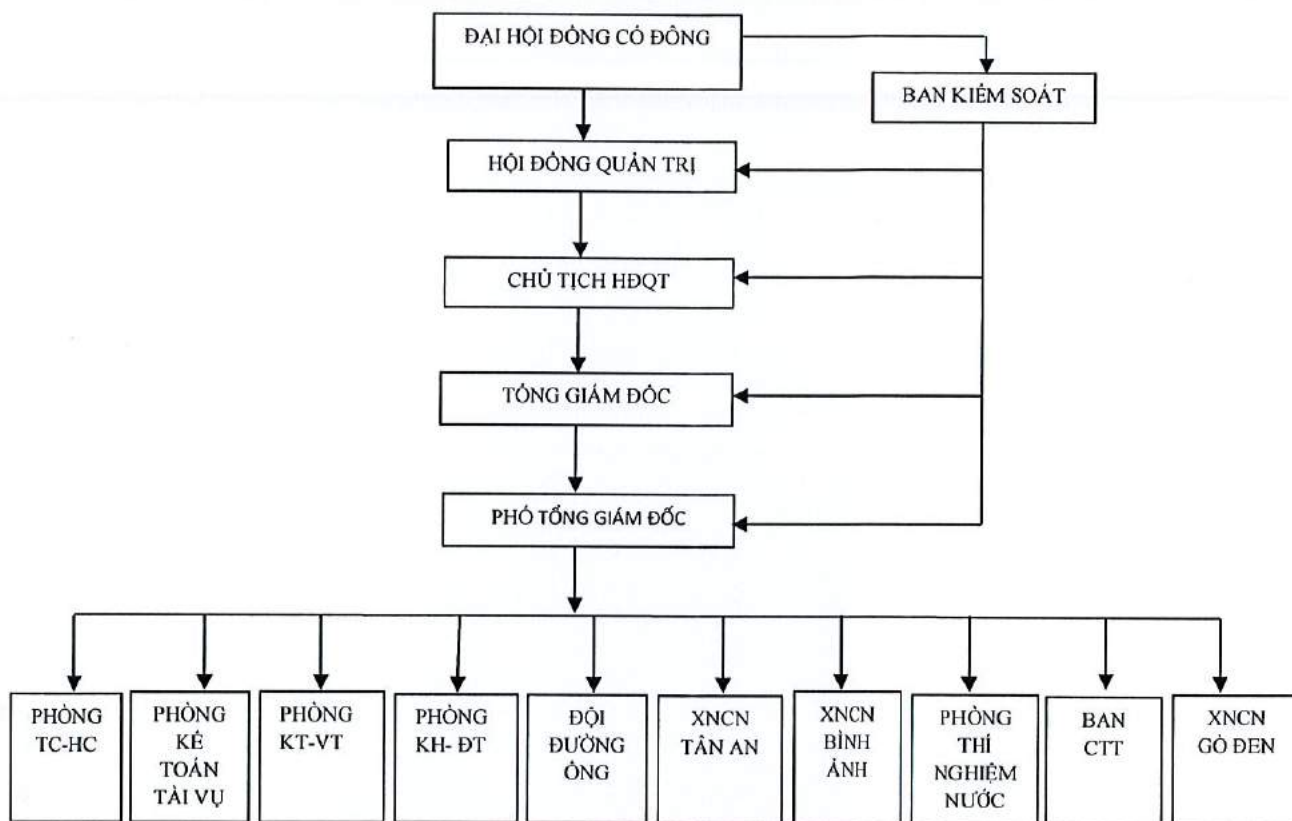
### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

\* Mô hình quản trị Công ty:

- Đại hội Đồng Cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Chủ tịch HĐQT người đại diện theo pháp luật



**\* Cơ cấu bộ máy quản lý**



**4. Định hướng phát triển:**

Cùng với việc định hướng phát triển của Công ty là đẩy mạnh cung cấp nước cho ngành sản xuất, Công ty triển khai đầu tư vào một số liên doanh để cung cấp nước cho một số khu vực đang phát triển các doanh nghiệp sản xuất. Ngoài ra, yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền tại Long An cũng hướng tới việc đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp thu hút đầu tư, tăng cường phát triển cho tỉnh

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ *Nâng cao hiệu quả quản lý:* Công ty áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001; 2015, hoàn thiện và luôn cập nhật những quy trình sản xuất, quy định về lề lối làm việc, định mức, chế độ trách nhiệm...

+ *Hoàn thiện công nghệ, kỹ thuật và xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu:*

Với đặc thù là Công ty cung cấp nước sạch và các sản phẩm, dịch vụ cho việc cung cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt trên địa phận Long An,





Ngày 24/10/2018, Văn phòng Công nhận chất lượng Bộ khoa học và công nghệ ra Quyết định số: 537.2018/QĐ-VPCNCL về việc công nhận Phòng Thí nghiệm nước thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (LAWACO) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005, phòng Thí nghiệm được mang số hiệu: VILAS 1159.

Trong năm 2020 Công ty hoàn thành việc chuyển đổi hệ thống quản lý của Phòng thí nghiệm nước từ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 sang tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017;

Hoàn thành đăng ký mở rộng lĩnh vực thí nghiệm sinh tại phòng thí nghiệm nước theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; cho 16 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh.

Hoàn thành công tác phối hợp kiểm tra giám sát chất lượng nước sau xử lý tại các Xí nghiệp trực thuộc;

Mở rộng phân tích thêm các chỉ tiêu AL, TSS phục vụ thêm công tác kiểm soát chất lượng nước sau xử lý;

Trong năm 2021 Phòng thí nghiệm đã phát triển thêm các chỉ tiêu:

+ Nhôm theo SMEWW3500-AI:2012

+ Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) theo SMEWW2540D:2012

Công ty có bộ phận chuyên kiểm tra về chất lượng nước và chất lượng đường dẫn, không ngừng nghiêm cứu, cập nhật trình độ công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận.

+ *Nguồn lực đáp ứng đủ yêu cầu phát triển Công ty:*

Phát huy truyền thống đoàn kết nội bộ, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, sự phối hợp giữa Ban điều hành và các đoàn thể chính trị xã hội cơ sở chăm lo, tạo mọi điều kiện để người lao động làm việc thuận lợi, cống hiến và phát huy sức sáng tạo, tài năng của mình vì sự nghiệp phát triển Công ty.

#### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Song song với công tác phát triển khách hàng ở những khu vực hiện hữu, Công ty đầu tư phát triển tuyến ống tại địa bàn mới như một số xã vùng sâu, vùng xa của huyện Bến Lức, Tân Trụ, Cần Đước, Cần Giuộc.



Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành cấp nước tại Long An và khu vực, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về sản phẩm nước sạch chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo.

Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ để Công ty hoạt động đúng pháp luật, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý thông qua việc áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001-2015.

**- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty)**

- Giữ môi trường sản xuất sạch và xanh phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường.

- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh trong sản xuất và kinh doanh.

- Tích cực tham gia các chương trình chăm lo đời sống cộng đồng, hỗ trợ giúp đỡ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

**5. Các rủi ro:**

**5.1. Rủi ro kinh tế**

Giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh Long An quyết định, chưa được tính đúng, tính đủ, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu ... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng sẽ mất nhiều thời gian, từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền quyết định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Cũng như các Doanh nghiệp khác hoạt động sản xuất trong ngành hàng tiêu dùng, sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của LAWACO.

Trong năm 2021 dịch viêm phổi cấp Covid - 19 tiếp tục diễn biến phức tạp, kéo dài đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và sinh hoạt của người dân. Nền kinh tế Long An nói riêng và cả nước nói chung phải đối mặt với không ít rủi ro, nguy cơ, thách thức về lạm phát, thiếu nguyên liệu, vật liệu đầu vào, lao động việc làm, an sinh xã hội, an ninh, trật tự xã hội.

**5.2. Rủi ro đặc thù**

Với đặc thù là đơn vị sản xuất cung cấp nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, Doanh nghiệp phải gánh chịu rủi ro đặc thù về vấn đề thất thoát trong quá trình cung cấp. Theo đó, việc giải quyết bài toán chống thất thoát là một thách thức không



nhỏ đối với ban lãnh đạo và người lao động của Công ty. Tuy nhiên, việc giải quyết bài toán chống thất thoát nước sạch cũng là một nhiệm vụ chung của cả những người sử dụng.

Với công cụ sản xuất là hệ thống sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn đòi hỏi một nguồn chi phí lớn cho việc xây dựng, bảo quản và sửa chữa hệ thống này, trong khi chi phí của việc này là không nhỏ, phụ thuộc rất lớn vào thị trường nguyên vật liệu, đây cũng là một rủi ro mà doanh nghiệp gặp phải.

### 5.3. Rủi ro về môi trường

Tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp tại khu vực đồng bằng Sông Cửu long nói chung và tỉnh Long An nói riêng đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng nguồn nước mặt và hiện tượng suy thoái, mực nước khai thác sâu hơn nhưng vẫn phải thực hiện chủ trương của UBND tỉnh về việc hạn chế tối đa việc khai thác nước ngầm, đưa nguồn nước ngầm vào dự trữ, tập trung khai thác nước mặt. Công ty cần nguồn vốn lớn để đầu tư chuyển đổi sang khai thác nước mặt xử lý cung cấp cho người dân theo chỉ đạo của UBND tỉnh và định hướng chung của ngành cấp nước.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội....

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	Đồng	207.928	231.009	111,1
Nước	Đồng	193.678	204.357	105,5
Đường ống	Đồng	13.500	26.397	195,5
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	11.500	13.486	117,3

### 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách ban điều hành:

- **Họ và tên: Phạm Quốc Thắng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật.**

Ngày tháng năm sinh: 19/11/1962



Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An

Địa chỉ thường trú: 39 Trương Văn Bang, P2, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư địa chất

Số lượng cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,02% VĐL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38%VĐL

**- Họ và tên: Võ Trung Cang – Chức vụ: Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 14/03/1962

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Giồng Trôm, Bến Tre.

Địa chỉ thường trú: Ấp 1 Xã Bình Tâm, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phần, chiếm 0,03% VĐL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22%VĐL.

**- Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam



Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5b Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật - môi trường

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phiếu, chiếm 0,01% VDL

**- Họ và tên: Nguyễn Quốc Phong – Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1977

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Châu Thành, Tiền Giang

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Tân Hội Đông, Châu Thành, Tiền Giang

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.121

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 4.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

- Những thay đổi trong ban điều hành: (không có)

- Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Thời điểm 31/12/2021	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	148	100
1	Trình độ đại học và sau đại học	50	33,8
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	32	21,6
3	Trình độ khác	66	44,6
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	148	100
1	Hợp đồng không thời hạn	134	90,5



2	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	1	0,7
3	Hợp đồng có thời hạn	13	8,8

**- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

**a) Chính sách tiền lương, thưởng:**

Công ty áp dụng hệ thống nhóm, bảng lương theo công việc mà công ty xây dựng cho từng chức danh công việc phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

**b) Chính sách đào tạo**

Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty có cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo chuyên đề do Hội cấp nước Việt Nam, Hội cấp nước Miền Nam tổ chức để nâng cao trình độ, tay nghề nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

**c) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động**

- Công ty thực hiện đúng theo quy định về chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp thai sản, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho toàn thể nhân viên. Công ty mua Bảo hiểm con người 24/24 giờ cho toàn thể NLĐ trong Công ty với mức 10.000.000đ/người/năm. Hàng năm nâng lương đúng thời hạn cho người lao động v.v...

- Hàng năm Công ty có tổ chức cho toàn thể người lao động đi tham quan, nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB. CNV người lao động trong toàn Công ty.

**- Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo Quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức
1	2019	17,98	Trả bằng tiền
2	2020	4,236	Trả bằng tiền
3	2021	5,17	Trả bằng tiền

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**a. Đầu tư phát triển:**

Trong năm 2021 công ty đã đầu tư phát triển các tuyến ống:

Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D225 cấp cho Cụm Công nghiệp Thiên Lộc Thành, xã Long Sơn, huyện Cần Đức. Tuyến ống ĐT818 khi thực hiện nâng cấp mở rộng ĐT818, huyện Thủ Thừa (hạng mục 2 từ NM Bình Ảnh đi Tân An). Lắp đặt hệ

thống khai thác tài nguyên nước cho hệ thống khai thác nước dưới đất và khai thác nước mặt hồ Bảo Định. Cải tạo mạng lưới cấp nước thị trấn Tân Trụ và vùng lân cận, huyện Tân Trụ. Tuyến ống cấp nước HDPE D110 cấp nước cho 3 xã Bình Đức, Thạnh Hòa, Thạnh Lợi, huyện Bến Lức. Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D225 đường kính 835B (bên trái tuyến), đoạn từ km 00+0000 đến Km 00+890, xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc. Tuyến ống cấp nước hẻm 51 Nguyễn Minh Trường, phường 3; đường Nguyễn Kim Công, hẻm 32 đường số 7, phường 4; hẻm 258 Quốc lộ 1A, phường 5; hẻm 107, hẻm 151, hẻm 303 đường Huỳnh Châu Sỏi, phường 6; hẻm 83 đường Nguyễn Văn Rành, phường 7; hẻm 139, hẻm 169 đường Lương Văn Chấn, phường Khánh Hậu; hẻm 22 đường Hoàng Anh, hẻm 39 đường Phạm Văn Thành, phường Tân Khánh; hẻm 383 Châu Thị Kim, đường Võ Tiến Trung, xã An Vĩnh Ngãi, TP. Tân An. Đường Đinh Viết Cừ GD3 (đoạn từ ranh ấp 1 đến cống Bình Tâm), TP. Tân An. Phân vùng tách mạng, kiểm soát và giám sát thoát mạng lưới cấp nước cho khu vực các huyện Thủ Thừa, Tân Trụ, Bến Lức, Cần Đước và Cần Giuộc. Lắp đặt Tê xả cặn trên mạng lưới cấp nước thành phố Tân An. Tuyến ống nước thô Tỉnh lộ 818, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa + dây truyền tín hiệu giếng. Các tuyến ống khách hàng giải quyết nhu cầu bức xúc theo đề nghị của người dân trên địa bàn thành phố Tân An, huyện Thủ Thừa, Tân Trụ, Bến Lức. Lắp đặt hệ thống ống cấp nước D63, D110 cho thị trấn Tân Trụ và khu vực lân cận, huyện Tân Trụ.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa lớn:

Cải tạo hệ thống điều khiển trung tâm của Nhà máy cấp nước Bình Ảnh. Cải tạo hệ thống giếng khoan G3-BA thuộc Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh.

*b. Các công ty con, công ty liên kết: (không có)*

#### 4. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	306,090	307,382	+0,42
Doanh thu thuần	196,740	228,999	+0,16
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10,323	13,812	+0,33
Lợi nhuận khác	621	-325	-47,66
Lợi nhuận trước thuế	10,950	13,486	+23,15



Lợi nhuận sau thuế	9,318	11,395	+22,29
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55%	55%	1

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:			
+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản NH / Nợ ngắn hạn	0,44	0,48	+9,09
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSNH} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,16	0,22	+37,5
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :			
+ Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản x100%	47,42	46,53	-1,87
+ Hệ số nguồn vốn chủ sở hữu = $\frac{\text{Nguồn vốn CSH}}{\sum \text{nguồn vốn}} \times 100\%$	52,58	53,46	+1,67
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :			
+ Vòng quay hàng tồn kho = $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	7,23	8,32	+15,07
+ Vòng quay vốn kinh doanh = $\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng TS bình quân}}$	0,64	0,75	+17,18
Các chỉ tiêu sinh lời:			
+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ( ROE).			
Tỷ suất LN sau thuế trên VCSH = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{vốn}}$	5,79	6,93	+19

CSHx100%			
+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ( ROE).	0,05	0,07	+40
ROE = LN sau thuế/Doanh thu x Doanh thu/Tài sản x Tài sản/ Vốn CSH.			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm ngàn)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	129	12.200.000	122.000.000.000	100%
1	Cổ đông cá nhân	127	347.560	3.475.600.000	2,85%
2	Cổ đông tổ chức	02			
	UBND tỉnh Long An		7.320.000	73.200.000.000	60%
	Công ty cổ phần đầu tư ngành nước DNP		4.532.440	4.532.440.000	37,15%
II	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
1	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
2	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng		129	12.200.000	122.000.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các loại chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguồn khai thác nước ngầm 12.468.000 m<sup>3</sup>



Nguồn nước mặt (tiếp nhận) 11.554.000 m<sup>3</sup>

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Sản phẩm nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An được sản xuất từ nguồn nước ngầm thô như: Clo lỏng, vôi đều sử dụng trực tiếp không qua tái chế

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trong quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu là trực tiếp như: Điện

- Năng lượng điện dùng cho Sản xuất nước sạch: 4.896.981 KW/năm

- Năng lượng điện dùng gián tiếp cho văn phòng: 48.910 KW/năm (trong năm lượng điện sử dụng giảm là do: Công ty giảm sản xuất nước ngầm, tiếp nhận nước thành phẩm từ nhà máy DNP- Long An và do thời gian giãn cách ảnh hưởng của dịch Covid 19)

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã lắp đặt biến tần cho một số trạm bơm nước để sử dụng năng lượng có hiệu quả và hợp lý hơn;

- Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời (solar) tại trạm cấp nước Lợi Bình Nhơn:

+ Số liệu điện năng solar phát ra trong 01 tháng khoảng 3.255kw tương ứng với số tiền là: 4,6 triệu đồng/tháng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có

### 6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Do đặc thù của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch, tuy nhiên do tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến nguồn nước mặt và hiện tượng suy thoái, mực nước ngầm khai thác sâu hơn nhưng vẫn phải thực hiện của UBND tỉnh Long An về việc hạn chế tối đa việc khai thác nước ngầm, đưa nguồn nước ngầm vào dự trữ, chuyển dần sang khai thác nước mặt xử lý cung cấp cho người dân theo chỉ đạo của UBND tỉnh và định hướng chung của ngành cấp nước.

- Nguồn khai thác nước ngầm 12.468.000m<sup>3</sup>;

- Nguồn tiếp nhận nước mặt từ DNP: 11.554 m<sup>3</sup>;

- Lượng nước ghi thu: 21.163.000 m<sup>3</sup>

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

LSD  
T  
H  
A  
T  
N  
G  
A  
T  
T

Công ty đã đầu tư hệ thống thu hồi nước sau rửa lọc thành nước cấp cho XNCN Bình Ảnh, 1 tháng thu hồi được 30.000 m<sup>2</sup> đạt 10% lượng nước của Xí nghiệp Bình Ảnh phát ra trong 01 tháng.

#### *6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

#### *6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:*

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 148 người, mức lương trung bình: 14.707.173 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm Công ty có tổ chức cho CB CNV đi tham quan du lịch một lần và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Theo nhu cầu cụ thể của các phòng, ban, xí nghiệp trong công ty

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý v.v...

#### *6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thăm tặng quà cho hộ nghèo trên địa bàn huyện Tân Trụ, Bến Lức, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trong cụm liên kết và địa bàn đứng chân v.v...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:



Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	1000đ	207.928	231.009	111,1
Nước	1000đ	193.678	204.357	105,5
Đường ống	1000đ	13.500	26.397	195,5
Lợi nhuận trước thuế	1000đ	11.500	13.486	117,3

Năm 2021, Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu ĐHCĐ giao như: Sản lượng, doanh thu, nghĩa vụ với ngân sách.

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản dài hạn:

+ Tỷ lệ % tài sản dài hạn cuối kỳ giảm 2,54% với tài sản dài hạn đầu kỳ, nguyên nhân: Trong năm tài sản đưa vào sử dụng SXKD được trích khấu hao 30 tỷ, 771 triệu đồng, trong khi đó tài sản dài hạn chỉ tăng 24 tỷ đồng. Để đáp ứng có nguồn nước sạch phục vụ cho vùng nông thôn theo chỉ đạo của UBND tỉnh Long An, Công ty đã cân đối nguồn chủ yếu mở rộng mạng lưới cung cấp nước và đưa vào sử dụng với giá trị TSCĐ hơn 17 tỷ đồng, chi phí XDCB chưa đưa vào tài sản hơn 20 tỷ đồng. TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 57 tỷ 963 triệu đồng. Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 01/01/2021 và ngày 31/12/2021 lần lượt là 257,181 tỷ đồng; 244,135 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ % tài sản ngắn hạn cuối kỳ tăng 24,62% so với tỷ lệ % tài sản ngắn hạn đầu kỳ, nguyên nhân: Trong năm do ảnh hưởng của dịch kéo dài, một số khách hàng của Công ty đến cuối kỳ dẫn chưa thanh toán, số dư nợ còn phải thu đến 31/12/21 hơn 8 tỷ đồng. Vì vậy tỷ lệ % của tài sản ngắn hạn cuối kỳ tăng so với tỷ lệ tài sản ngắn hạn đầu kỳ.

### b. Tình hình nợ phải trả:

Tỷ lệ % nợ phải trả cuối kỳ giảm 1,46% nợ phải trả đầu kỳ do:

+ Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn cuối kỳ tăng 11,69% so với đầu kỳ, gồm:

\* Phải trả cho người bán ngắn hạn giảm : 15 tỷ 332 triệu đồng

\* Người mua trả tiền trước giảm 1 tỷ 112 triệu đồng

\* Vay và nợ ngắn hạn tăng 23 tỷ 938 triệu đồng

\* Các khoản phải trả ngắn hạn khác tăng hơn 1 tỷ 538 triệu đồng

\* Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 634 triệu đồng

\* Phải trả người lao động tăng 417 triệu đồng

- + Các khoản phải trả dài hạn cuối kỳ giảm 16,21% so với đầu kỳ, gồm:
  - \* Vay và nợ dài hạn giảm: 12 tỷ 232 triệu đồng
  - \* Phải trả dài hạn khác tăng 1 tỷ 138 triệu đồng
- + Vốn chủ sở hữu tăng 2,12% trong đó: Quỹ đầu tư phát triển tăng 3 tỷ 419 triệu đồng

Trong năm 2021 Công ty đã trả nợ vay dài hạn các năm trước khi đến hạn 13 tỷ 670 triệu đồng. Số liệu báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty kiểm toán Vaco phân tích, các khoản nợ phải trả của Công ty đều trong tầm kiểm soát có khả năng thanh toán và không có phát sinh nợ xấu.

- Chi tiêu thanh toán: Chi tiêu về khả năng thanh toán của Công ty ổn định rất khả quan, bảo đảm khả năng trả nợ của Công ty khi đến hạn.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn và tài sản:

Công ty đã tập trung toàn bộ nguồn lực về vốn và tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản cố định được sử dụng và khai thác triệt để. Các khoản nợ, vật tư và tài sản khác quản lý theo quy định của nhà nước, quy chế, quy định của Công ty.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất kỹ thuật, chất lượng sản phẩm vì đây là một trong những yếu tố sống còn của Doanh nghiệp.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, áp dụng các giải pháp công nghệ mới để tiếp tục giảm tiêu hao vật tư, triệt để thực hành tiết kiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD.

- Đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ quản lý, kiến thức đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc hiện có. Thay đổi hợp lý chế độ trả lương để nó thực sự trở thành công cụ khuyến khích người lao động trong công việc, gắn bó xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao tinh thần ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Với thế mạnh trong ngành sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất và tiêu dùng, LAWACO sẽ vẫn tiếp tục phát huy tiềm lực sẵn có bên cạnh mở rộng thêm một số lĩnh vực khác nhằm đa dạng hóa sản phẩm và phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể:



Duy trì ổn định lượng khách hàng tại địa phương Tỉnh Long An...

Mở rộng thêm một số khu vực địa phương lân cận (Tiền Giang, một phần TP.HCM...)

Tăng cường đầu tư vào việc phát triển khách hàng sản xuất, trong đó tập trung tại các khu công nghiệp đang có chiều hướng mở rộng tại tỉnh Long An.

Song song với cải tiến công tác quản lý, LAWACO cũng sẽ ra sức tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ và công tác cán bộ, xây dựng một đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao trong các lĩnh vực hoạt động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: ((không có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Cty:

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất năm 2021 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua, các chỉ tiêu của UBND tỉnh Long An giao cho công ty thực hiện, công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản xuất, kinh doanh nước sạch, thi công lắp đặt các công trình cấp nước.

Công ty hoạt động ổn định, đảm bảo cấp nước liên tục, chất lượng đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Bên cạnh kết quả về sản xuất kinh doanh đạt được, công ty nói riêng và ngành nước nói chung đang đứng trước những thách thức, khó khăn về số lượng và chất lượng nước nguồn. Nhất là hiện nay công ty đang khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:*

Ban điều hành thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều hành công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty.

Công ty thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.

Ban điều hành thực hiện họp giao ban 1 lần/ tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả.

Các thành viên trong Ban điều hành hoàn thành chức trách, nhiệm vụ theo sự phân công, có sự phối hợp tốt trong việc thực hiện nhiệm vụ

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính, đầu tư tài chính vào mạng lưới tuyến ống để cấp nước an toàn, ổn định.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân lành nghề. Đảm bảo đời sống, thu nhập, việc làm cho người lao động. Tăng sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.

### 4. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2021: (đính kèm phụ lục số III)

#### V. Quản trị Công ty:

##### 1. Hội đồng quản trị:

##### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	Thành viên điều hành
2	Ông Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
3	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
4	Lều Mạnh Huy	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

#### - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Phạm Quốc Thắng

Ngày tháng năm sinh: 19/11/1962

Giới tính: Nam

Số CMND: 079062016391 cấp ngày 29 tháng 04 năm 2021 – Cục QLHCTTXH



Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An

Địa chỉ thường trú: 39 Trương Văn Bang, P2, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư địa chất

Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1985 – 1993	Xí nghiệp khảo sát thiết kế xây dựng	Đội trưởng
1994 – 2006	Công ty Cấp nước Long An	Phó phòng Kỹ thuật – Vật tư
2006 – 2008	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2008 – 2010	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Phó Giám đốc
2010 – 2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Chủ tịch kiêm Giám đốc
2013 - 2015	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2015 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Bí thư Đảng ủy cơ sở
7/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Trương Thị Thu Hương	Vợ	1.482	0,01%

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Võ Trung Cang

Ngày tháng năm sinh: 14/03/1962

Giới tính: Nam

Số CMND: 083062012179 Cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021 - Cục QLHCTTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Giồng Trôm, Bến Tre.

Địa chỉ thường trú: Số 12 A Trần Văn Hý, Ấp 1 Xã Bình Tâm, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1982 – 1991	Xí nghiệp Cấp nước Long An	Tổ trưởng – Đội phó
1991 – 2008	Công ty Cấp nước Long An	Đội trưởng nhà máy



2008 – 2010	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Giám đốc Xí nghiệp CNTA
2010 – 2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Phó Giám đốc Công ty
2013 đến 6/2016	Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
7/2016 đến nay	Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22% VDL.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Số CMND: 300845695 ngày cấp 18/8/2018 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5 Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Phó bí thư Đảng bộ cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 – 2007	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
2007 – 2011	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2011 – 2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2013 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2015 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó Bí thư Đảng bộ cơ sở
7/2016 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên: Lều Mạnh Huy

Sinh ngày: 15/04/1985

Quê quán: Hưng Yên

Thường trú: Liên Phương, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên

Trình độ: Đại học

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:



- + Giám đốc điều hành – công ty cổ phần cấp thoát nước DNP Tiền Giang;
- + Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần cấp thoát nước Tây Ninh;
- + Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần công trình đô thị Châu Thành;
- + thành viên HĐQT – Công ty cổ phần nhà máy nước Đồng Tâm.
- Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên: Vũ Anh Tuấn;

Sinh ngày: 18/12/1975

Quê quán: Hà Nội

Thường trú: P302-C86TT Văn phòng Cục dự trữ Quốc gia, Cổng Vị, Ba Đình, Hà Nội;

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
- + Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế;
- + Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Cấp nước Bình Phước.

*b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:*

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An:

+ Thành viên của Ban:

- |                           |                            |
|---------------------------|----------------------------|
| 01. Ông Phạm Quốc Thắng   | Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban; |
| 02. Ông Nguyễn Bảo Tùng   | Phó TGD, Phó trưởng ban;   |
| 03. Ông Nguyễn Quốc Phong | Kế toán trưởng, KTT ban;   |
| 04. Ông Trần Thanh Phúc   | TP. HT – ĐT, thành viên;   |
| 05. Ông Lưu Văn Cần       | PP. KT-VT, thành viên;     |
| 06. Bà Trần Vân Anh       | PTP. HT- ĐT, thành viên;   |
| 07. Ông Lê Thanh Hải      | NV.PHT- ĐT, thành viên.    |

*c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:*



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	34/NQCN-HĐQT	06/04/2021	Nghị quyết kỳ họp thứ 15, NK (2019-2024), VV thống nhất thông qua gia hạn và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	5/5
02	40/NQCN-HĐQT	07/6/2021	Nghị quyết kỳ họp thứ 16, NK (2019-2024), VV thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	5/5
03	42/NQCN-HĐQT	14/7/2021	Nghị quyết kỳ họp thứ 17, NK (2019-2024), VV thông qua bổ sung thực hiện kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021	5/5
04	43/NQCN-HĐQT	02/11/2021	Nghị quyết kỳ họp thứ 18, NK (2019-2024), VV thông qua Quy chế Tài chính, Quy chế công bố thông tin	5/5
05	44/NQCN-HĐQT	20/12/2021	Nghị quyết kỳ họp thứ 19, NK(2019-2024), VV thông qua giao lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP - LA là đơn vị trực tiếp cấp nguồn cho Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bằng Tâm, Công ty TNHH Một thành viên nước sạch Cần Giuộc, đối với khu vực cấp nước của tuyến ống từ ngã tư Chợ Trạm đến Cảng quốc tế Long An	5/5

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành thuộc lĩnh vực được phân công.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- Phạm Quốc Thắng – Chủ tịch HĐQT;
- Võ Trung Cang – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
- Nguyễn Bảo Tùng – Thành viên HĐQT – Phó tổng Giám đốc Công ty.



Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: (không có)

## 2. Ban Kiểm soát:

### a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Võ Minh Thái	Trưởng BKS
2	Trương Thị Lê Khanh	Thành viên BKS
3	Phan Thùy Giang	Thành viên BKS

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

#### - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Võ Minh Thái
- Ngày tháng năm sinh: 1963
- Giới tính: Nam
- Nơi Sinh: Châu Thành, Long An
- Số CMND: 300310498 ngày cấp 02/01/2020 Công an Long An
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Châu Thành, Long An
- Địa chỉ thường trú: 18 Nguyễn Thanh Cần, P2, TP. Tân An, Long An
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng Ban Kiểm soát, chuyên trách
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1980 – 1993	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
1994 – 2005	Công ty phát triển và kinh doanh nhà Cửu Long	Nhân viên
2006 – 2010	Công ty cổ phần Vận tải Long An	Nhân viên
2011 đến nay	Xí nghiệp cấp nước Tân An – Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên kế toán

2013 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Trưởng Ban kiểm soát
--------------	--	----------------------

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.500 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu: 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

**- Thành viên Ban Kiểm Soát**

- Họ và tên: Trương Thị Lệ Khanh

- Ngày tháng năm sinh: 19/10/1974

- Giới tính: Nữ

- CCCD: 024174002819 ngày cấp 26/04/2021 – Cục QLHCTTXH

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Quê quán: Bắc Giang

- Địa chỉ thường trú: 32B Lê Thị Điền, Phường 3, TPTA, Long An.

- Số điện thoại liên lạc: 0272.3825.114

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.900 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Nhân viên
2013- 2018	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên
2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên ban kiểm soát

**- Thành viên Ban Kiểm Soát**

- Họ và tên: Phan Thùy Giang

- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1979

- Giới tính: Nữ

- Số CMND: 013024059 ngày cấp 19/11/2007–Nơi cấp Công an Hà Nội.

- Số điện thoại liên lạc: 0978331166

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam



- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 2909 V3, Khu Homecity, Tổ 45 phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;
- + Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ;
- + Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ 2;
- + Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

*b. Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định. Ban kiểm soát tổ chức kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trên cơ sở báo cáo tài chính đã lập hàng quý, năm nhằm thẩm định, đánh giá lại mức độ chính xác, tính cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo cho Hội đồng quản trị.

Hiện tại Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An chỉ có Trưởng ban làm chuyên trách, các thành viên còn lại kiêm nhiệm, cho nên việc kiểm tra đa phần là chuyên trách giám sát. Việc tổ chức họp của Ban được diễn ra không thường xuyên mà chỉ định kỳ 02 lần/năm theo quy định. Nội dung các cuộc họp trao đổi lẫn nhau trong quá trình kiểm tra, giám sát, đề xuất ý kiến của Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trong năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích thành viên HĐQT, BKS:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tổng lương, thưởng thù lao năm 2021	Ghi chú
01	Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT	556.283.728	Điều hành
02	Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	514.767.388	Điều hành

03	Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	498.838.289	Điều hành
04	Lê Mạnh Huy	Thành viên HĐQT	0	Không điều hành
05	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	0	Không điều hành
06	Võ Minh Thái	Trưởng BKS	457.043.089	
07	Phan Thùy Giang	Thành viên BKS	0	
08	Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên BKS	253.044.958	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không có)

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: (không có)

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc quản trị Công ty và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt vào công tác quản trị Công ty trong tương lai. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tập trung nâng cao năng lực quản trị của các cán bộ quản lý thông qua việc cử đi học lớp học về quản trị Công ty do Trung tâm đào tạo chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (File đính kèm) *mls*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



30

Phạm Quốc Thắng





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 26

1025  
THÀNH  
TRÁ  
SINH  
1300  
00  
00  
CẤP  
L  
TAN

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Trung Cang	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Ông Lê Mạnh Huy	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Võ Trung Cang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Quốc Thắng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Long An, ngày 10 tháng 3 năm 2022







Số: 03 /VACO/BCKT.HCM

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/3/2022, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

#### *Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022

**Phạm Hoàng Việt**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4924-2019-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.709.909.471</b>	<b>33.468.911.684</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>7.744.118.946</b>	<b>4.767.089.147</b>
1. Tiền	111		7.413.929.595	4.451.958.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		330.189.351	315.130.971
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		100.000.000	100.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.533.950.624</b>	<b>5.786.379.496</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	8.931.766.765	2.512.759.759
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		787.291.541	336.318.702
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.013.580.580	2.937.301.035
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(198.688.262)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>22.052.028.559</b>	<b>21.146.363.040</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.052.028.559	21.146.363.040
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>279.811.342</b>	<b>1.669.080.001</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		279.811.342	1.216.479.903
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	-	452.600.098
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>265.672.435.580</b>	<b>272.621.320.506</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>211.500.000</b>	<b>211.500.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	211.500.000	211.500.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>244.135.373.757</b>	<b>257.180.633.282</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	242.609.705.461	255.584.964.978
- Nguyên giá	222		536.937.807.034	519.141.461.527
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(294.328.101.573)	(263.556.496.549)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.525.668.296	1.595.668.304
- Nguyên giá	228		2.041.741.000	2.041.741.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(516.072.704)	(446.072.696)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.047.619.064</b>	<b>8.351.723.797</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	20.047.619.064	8.351.723.797
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.277.942.759</b>	<b>6.877.463.427</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.277.942.759	6.877.463.427
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>307.382.345.051</b>	<b>306.090.232.190</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>143.029.103.684</b>	<b>145.155.232.936</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>85.666.277.498</b>	<b>76.698.250.098</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	16.676.656.832	32.008.660.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		595.487.659	1.707.873.799
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	1.011.229.904	377.491.372
4. Phải trả người lao động	314		4.530.917.161	4.947.921.246
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	657.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	8.259.554.016	6.721.475.958
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	15	52.818.199.817	28.880.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.774.232.109	1.397.827.052
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>57.362.826.186</b>	<b>68.456.982.838</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	14.920.693.348	13.782.906.000
2. Vay và nợ dài hạn	338	15	42.442.132.838	54.674.076.838
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>164.353.241.367</b>	<b>160.934.999.254</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>164.353.241.367</b>	<b>160.934.999.254</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	122.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.353.241.367	38.934.999.254
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>307.382.345.051</b>	<b>306.090.232.190</b>



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	231.009.021.270	197.329.452.097
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	2.009.127.209	589.160.013
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	18	228.999.894.061	196.740.292.084
4. Giá vốn hàng bán	11	19	183.547.066.083	156.059.159.486
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		45.452.827.978	40.681.132.598
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		24.161.305	20.710.987
7. Chi phí tài chính	22	21	5.322.999.646	4.686.654.175
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.322.999.646	4.686.654.175
8. Chi phí bán hàng	25	22	9.725.601.230	10.960.334.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	16.616.241.766	14.725.745.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		13.812.146.641	10.329.109.224
11. Thu nhập khác	31		638.399.880	750.246.128
12. Chi phí khác	32		963.942.106	128.642.989
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(325.542.226)	621.603.139
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.486.604.415	10.950.712.363
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	2.091.270.553	1.631.865.347
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		11.395.333.862	9.318.847.016
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	820	649



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

Long An, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	13.486.604.415	10.950.712.363
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	30.841.605.032	29.297.858.979
- Các khoản dự phòng	3	198.688.262	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(24.161.305)	(20.710.987)
- Chi phí lãi vay	6	5.322.999.646	4.686.654.175
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	49.825.736.050	44.914.514.530
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(4.558.184.215)	788.625.689
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(905.665.519)	861.813.537
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(22.200.171.072)	18.201.191.305
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	5.599.520.668	8.708.858.398
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.979.999.646)	(4.768.654.175)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.527.290.412)	(3.456.183.587)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.332.716.000)	(3.511.149.844)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>18.921.229.854</b>	<b>61.739.015.853</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.550.617.177)	(46.911.978.086)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(100.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.161.305	20.710.987
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22.526.455.872)</b>	<b>(46.991.267.099)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	86.356.255.817	40.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(74.650.000.000)	(32.880.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.124.000.000)	(21.935.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>6.582.255.817</b>	<b>(14.815.600.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>2.977.029.799</b>	<b>(67.851.246)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.767.089.147	4.834.940.393
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	7.744.118.946	4.767.089.147



Phạm Quốc Thắng  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Quốc Phong  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
 Người lập biểu

Long An, ngày 10 tháng 3 năm 2022



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 6 ngày 02/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2021 là 143 người (tại ngày 01/01/2021 là 147 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kiểm tra các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh);
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Dịch vụ khoan giếng.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.





### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 45
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm sau.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	431.060.589	41.012.189
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.982.869.006	4.410.945.987
Các khoản tương đương tiền	330.189.351	315.130.971
<b>Cộng</b>	<b>7.744.118.946</b>	<b>4.767.089.147</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu ngắn hạn của bên liên quan</i>	-	<b>257.171.125</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Long An - tiền dịch vụ xét nghiệm nước	-	257.171.125
<i>b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là đối tượng khác</i>	<b>8.931.766.765</b>	<b>2.255.588.634</b>
Khách hàng cung cấp nước	4.201.352.758	1.015.671.406
Khách hàng khác	4.730.414.007	1.239.917.228
<b>Cộng</b>	<b>8.931.766.765</b>	<b>2.512.759.759</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>2.013.580.580</b>	-	<b>2.937.301.035</b>	-
Tạm ứng	464.647.000	-	1.428.020.000	-
Phải thu phí bảo vệ môi trường	823.711.224	-	1.209.777.175	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	725.222.356	-	293.256.936	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	6.246.924	-
<i>b) Dài hạn</i>	<b>211.500.000</b>	-	<b>211.500.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	211.500.000	-	211.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.225.080.580</b>	-	<b>3.148.801.035</b>	-

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.052.028.559	-	18.450.241.344	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	2.696.121.696	-
<b>Cộng</b>	<b>22.052.028.559</b>	-	<b>21.146.363.040</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a) Phải thu</b>	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	452.600.098	452.600.098	-	-
<b>Cộng</b>	<b>452.600.098</b>	<b>452.600.098</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>b) Phải nộp</b>	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.638.670.455	1.527.290.412	111.380.043
Thuế thu nhập cá nhân	154.827.957	1.294.522.638	714.698.539	734.652.056
Thuế tài nguyên	222.663.415	2.343.777.804	2.401.243.414	165.197.805
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	335.190.867	335.190.867	-
Các loại thuế khác	-	14.241.756	14.241.756	-
<b>Cộng</b>	<b>377.491.372</b>	<b>5.626.403.520</b>	<b>4.992.664.988</b>	<b>1.011.229.904</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	212.289.968.857	34.457.541.641	270.307.212.174	2.086.738.855	519.141.461.527
- Mua sắm mới	-	-	-	30.000.000	30.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	17.479.981.871	-	17.479.981.871
- Tăng khác (đầu tư nâng cấp)	-	286.363.636	-	-	286.363.636
Số cuối năm	<b>212.289.968.857</b>	<b>34.743.905.277</b>	<b>287.787.194.045</b>	<b>2.116.738.855</b>	<b>536.937.807.034</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	140.064.039.955	25.680.834.189	96.539.968.812	1.271.653.593	263.556.496.549
- Khấu hao trong năm	10.905.054.689	2.731.243.775	16.811.500.172	323.806.388	30.771.605.024
Số cuối năm	<b>150.969.094.644</b>	<b>28.412.077.964</b>	<b>113.351.468.984</b>	<b>1.595.459.981</b>	<b>294.328.101.573</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	<b>72.225.928.902</b>	<b>8.776.707.452</b>	<b>173.767.243.362</b>	<b>815.085.262</b>	<b>255.584.964.978</b>
Số cuối năm	<b>61.320.874.213</b>	<b>6.331.827.313</b>	<b>174.435.725.061</b>	<b>521.278.874</b>	<b>242.609.705.461</b>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 57.963.844.389 VND (ngày 01/01/2021 là 51.944.790.708 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 15) với nguyên giá tại ngày 31/12/2021 là 83.901.779.616 VND (ngày 01/01/2021 là 83.901.779.616 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số đầu năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
Số cuối năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số đầu năm	-	407.272.696	38.800.000	446.072.696
- Khấu hao trong năm	-	70.000.008	-	70.000.008
Số cuối năm	-	477.272.704	38.800.000	516.072.704
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số đầu năm	1.477.835.000	117.833.304	-	1.595.668.304
Số cuối năm	1.477.835.000	47.833.296	-	1.525.668.296

Tài sản cố định vô hình là giá trị là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 273.906.000 VND (ngày 01/01/2021 là 273.906.000 VND).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình : Di dời , nâng cấp tuyến ống D200 thành D400 TL818 (KCN Long Hậu - KDC MT-Land)	2.813.542.064	245.583.882
Công trình : TOKVTP : Đường Chùa Ông , Trần.V.Đầu , N.K.Công, P.V.Thành, Vành đai, N.Q.Đại, H20N.V.Tiếp	3.214.220.182	-
Công trình : Lắp hệ thống giám sát khai thác tài nguyên	2.060.556.727	2.060.556.727
Tuyến ống D110 cấp nước cho xã Thạnh Đức , Thạnh Hòa , Thạnh Lợi	-	1.623.863.673
Công trình khác	11.959.300.091	4.421.719.515
<b>Cộng</b>	<b>20.047.619.064</b>	<b>8.351.723.797</b>

Tình hình biến động tài sản dở dang dài hạn trong năm:

Số đầu năm	8.351.723.797
Tăng trong năm	29.175.877.138
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	17.479.981.871
Số cuối năm	<b>20.047.619.064</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Là chi phí sửa chữa tài sản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>	-	-	<b>9.730.209.006</b>	<b>9.730.209.006</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Long An - tiền mua nước	-	-	9.730.209.006	9.730.209.006
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn là đối tượng khác</b>	<b>16.676.656.832</b>	<b>16.676.656.832</b>	<b>22.278.451.665</b>	<b>22.278.451.665</b>
Công ty TNHH TM DV SX Bình An An	2.382.444.489	2.382.444.489	1.023.001.041	1.023.001.041
Công ty CP Tập Đoàn Đức	4.861.085.700	4.861.085.700	6.887.901.293	6.887.901.293
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	1.739.012.000	1.739.012.000	2.770.088.200	2.770.088.200
Phải trả người bán khác	7.694.114.643	7.694.114.643	11.597.461.131	11.597.461.131
<b>Cộng</b>	<b>16.676.656.832</b>	<b>16.676.656.832</b>	<b>32.008.660.671</b>	<b>32.008.660.671</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.259.554.016</b>	<b>6.721.475.958</b>
Phải trả cổ tức cho UBND tỉnh Long An - bên liên quan	3.769.911.487	3.084.245.162
Phải trả cổ tức cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP - bên liên quan	2.334.275.631	1.909.720.785
Phải trả cổ tức cho các cổ đông khác	178.998.694	146.442.657
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan	700.000.000	350.000.000
Phải trả phí bảo vệ môi trường	1.276.368.204	1.230.402.802
Phải trả ngắn hạn khác	-	664.552
<b>b) Dài hạn</b>	<b>14.920.693.348</b>	<b>13.782.906.000</b>
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan	249.285.000	949.285.000
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan - tiền bàn giao tài sản cố định (i)	12.154.262.000	12.154.262.000
Phải trả khác	2.517.146.348	679.359.000
<b>Cộng</b>	<b>23.180.247.364</b>	<b>20.504.381.958</b>

- (i) Đây là giá trị tài sản cố định: “Đường ống cấp nước xã Bình Đức - Thạnh Hòa - Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An” theo Công văn số 1599/QĐ-UBND, với giá trị phải trả trong 20 năm là 12.154.262.000 VND, lịch trả nợ bắt đầu từ năm thứ 06 đến năm thứ 19 với giá trị 850.000.000 VND/năm và năm thứ 20 phải thanh toán 254.262.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VAY**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>52.818.199.817</b>	<b>52.818.199.817</b>	<b>74.650.000.000</b>	<b>98.588.199.817</b>	<b>28.880.000.000</b>	<b>28.880.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	39.148.199.817	39.148.199.817	63.770.000.000	84.918.199.817	18.000.000.000	18.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An (iii)	7.240.000.000	7.240.000.000	4.450.000.000	7.240.000.000	4.450.000.000	4.450.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>42.442.132.838</b>	<b>42.442.132.838</b>	<b>13.670.000.000</b>	<b>1.438.056.000</b>	<b>54.674.076.838</b>	<b>54.674.076.838</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	38.608.076.838	38.608.076.838	6.430.000.000	-	45.038.076.838	45.038.076.838
Quỹ Đầu tư và Phát triển Long An (iii)	3.834.056.000	3.834.056.000	7.240.000.000	1.438.056.000	9.636.000.000	9.636.000.000
<b>Cộng</b>	<b>95.260.332.655</b>	<b>95.260.332.655</b>	<b>88.320.000.000</b>	<b>100.026.255.817</b>	<b>83.554.076.838</b>	<b>83.554.076.838</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh khai thác và cung cấp nước sạch, lãi suất vay là 6,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng TSCĐ theo Hợp đồng bảo đảm số 2052.0008/2020/HĐBB/NHCT700 với giá trị tại thời điểm thế chấp là 24.729.000.000 VND, bao gồm:

- Công trình tuyến ống nước sạch D160 – D225 đường Hương lộ 25
- Công trình tuyến ống cấp nước sạch D300 dọc đường tỉnh D830B
- Công trình nâng cấp, di dời tuyến ống nước sạch phục vụ dự án mở rộng đường tỉnh 818
- Công trình tuyến ống cấp nước sạch HDPE D250, D63 tỉnh lộ 830C và 830D
- Công trình tuyến ống cấp nước đường tỉnh 833B
- Công trình đường Châu Thị Kim

(ii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam, mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch.

(iii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển:

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832, thời hạn vay 11 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832.

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng giảm thất thoát nước mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 6,95%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng và lắp đặt thiết bị giai đoạn 1 của dự án Tuyến ống cấp nước đường tỉnh 832, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (đoạn từ ngã 3 cầu Nhum, xã An Nhứt Tân đến xã Nhứt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.

- Mục đích vay để đầu tư dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND, thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 8,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị liên quan của Tuyến ống cấp nước sạch D160 - D225 đường Hương Lộ 25 (từ Tân Trụ đến đường Bần Cao).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**15. VAY (Tiếp theo)**

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả trong một năm	13.670.000.000	10.880.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	29.554.056.000	35.356.000.000
Sau năm năm	12.888.076.838	19.318.076.838
<b>Cộng</b>	<b>56.112.132.838</b>	<b>65.554.076.838</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	13.670.000.000	10.880.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>42.442.132.838</b>	<b>54.674.076.838</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.000.000.000	41.300.709.612	-	163.300.709.612
Lãi trong năm	-	-	9.318.847.016	9.318.847.016
Chi trả cổ tức từ Quỹ đầu tư phát triển	-	(5.161.364.463)	-	(5.161.364.463)
Trích cổ tức	-	-	(5.125.365.859)	(5.125.365.859)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.795.654.105	(2.795.654.105)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.187.827.052)	(1.187.827.052)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	(210.000.000)	(210.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>38.934.999.254</b>	<b>-</b>	<b>160.934.999.254</b>
Lãi trong năm	-	-	11.395.333.862	11.395.333.862
Trích cổ tức (i)	-	-	(6.266.777.208)	(6.266.777.208)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	3.418.242.113	(3.418.242.113)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(1.709.121.057)	(1.709.121.057)
Điều chỉnh khác	-	-	(1.193.484)	(1.193.484)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>42.353.241.367</b>	<b>-</b>	<b>164.353.241.367</b>

(i) Công ty tạm trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 theo Tờ trình số 1620/TT-KTTV ngày 31/12/2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Vốn điều lệ*

Tại ngày 31/12/2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Cổ phần Nhà nước - UBND tỉnh Long An	73.200.000.000	60,0%	73.200.000.000	60,0%
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	45.324.400.000	37,2%	45.324.400.000	37,2%
Cổ đông khác	3.475.600.000	2,8%	3.475.600.000	2,8%
<b>Cộng</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Cổ tức đã được thanh toán trong năm nay là 5.124.000.000 VND (năm trước là 21.935.600.000 VND).

**17. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**18. DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước	204.356.799.447	178.051.028.406
Doanh thu lắp đặt đường ống	26.397.164.123	18.786.924.236
Doanh thu xét nghiệm nước	253.267.564	490.389.597
Doanh thu khác	1.790.136	1.109.858
<b>Cộng</b>	<b>231.009.021.270</b>	<b>197.329.452.097</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.009.127.209</b>	<b>589.160.013</b>
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán;	2.009.127.209	589.160.013
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>228.999.894.061</b>	<b>196.740.292.084</b>

Trong đó doanh thu xét nghiệm nước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An (bên liên quan) năm nay là 218.771.931 VND (năm trước là 427.898.658 VND).

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước và xét nghiệm nước	166.983.267.278	144.902.016.529
Giá vốn lắp đặt đường ống	16.563.798.805	11.157.142.957
<b>Cộng</b>	<b>183.547.066.083</b>	<b>156.059.159.486</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.344.788.568	30.697.505.027
Chi phí nhân công	35.708.663.929	32.064.956.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.841.605.032	29.297.858.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.434.522.533	3.457.354.808
Chi phí bằng tiền khác	99.863.207.321	88.094.525.160
<b>Cộng</b>	<b>207.192.787.383</b>	<b>183.612.200.099</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.322.999.646	4.686.654.175
<b>Cộng</b>	<b>5.322.999.646</b>	<b>4.686.654.175</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	8.921.191.852	8.474.817.315
Chi phí đồ dùng văn phòng	208.568.374	230.611.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.608.702	163.751.937
Chi phí dự phòng	198.688.262	-
Các khoản chi phí QLDN khác	7.066.184.576	5.856.564.537
<b>Cộng</b>	<b>16.616.241.766</b>	<b>14.725.745.500</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	6.399.933.841	6.364.168.536
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.325.667.389	4.596.166.150
<b>Cộng</b>	<b>9.725.601.230</b>	<b>10.960.334.686</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Chi tiết phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>13.486.604.415</b>	<b>10.950.712.363</b>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>13.486.604.415</b>	<b>10.950.712.363</b>
Thu nhập chịu thuế suất 20%	7.426.101.117	4.577.676.294
Thu nhập chịu thuế suất 10%	6.060.503.298	6.373.036.069
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.091.270.553</b>	<b>1.552.838.866</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo ND 114/2020/NĐ-CP	-	(465.851.660)
Thuế TNDN phải nộp bổ sung năm trước	-	544.878.141
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.091.270.553</b>	<b>1.631.865.347</b>

Theo Công văn số 759/CT-TTH ngày 14/4/2016 của Cục thuế tỉnh Long An, ngành nghề cấp thoát nước của Công ty đáp ứng các điều kiện để hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, do đó thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa của Công ty được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định của Thông tư số 123/2012/TT-BTC. Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động, mức thuế suất này được Công ty áp dụng từ ngày 01/01/2016. Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	11.395.333.862	9.318.847.016
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích	1.709.121.057	1.397.827.052
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>9.686.212.805</b>	<b>7.921.019.964</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	794	649
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	95.260.332.655	83.554.076.838
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.744.118.946	4.767.089.147
Nợ thuần	87.516.213.709	78.786.987.691
Vốn chủ sở hữu	164.353.241.367	160.934.999.254
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,53</b>	<b>0,49</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi số</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm (Trình bày lại)</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.744.118.946	4.767.089.147	7.744.118.946	4.767.089.147
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.493.512.083	4.233.540.794	10.493.512.083	4.233.540.794
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.337.631.029</b>	<b>9.100.629.941</b>	<b>18.337.631.029</b>	<b>9.100.629.941</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	95.260.332.655	83.554.076.838	95.260.332.655	83.554.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	39.856.904.196	52.513.042.629	39.856.904.196	52.513.042.629
Chi phí phải trả	-	657.000.000	-	657.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>135.117.236.851</b>	<b>136.724.119.467</b>	<b>135.117.236.851</b>	<b>136.724.119.467</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 2 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.744.118.946	-	-	7.744.118.946
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.282.012.083	211.500.000	-	10.493.512.083
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100.000.000	-	-	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<u>18.126.131.029</u>	<u>211.500.000</u>	-	<u>18.337.631.029</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	52.818.199.817	29.554.056.000	12.888.076.838	95.260.332.655
Phải trả người bán và phải trả khác	24.936.210.848	14.920.693.348	-	39.856.904.196
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<u>77.754.410.665</u>	<u>44.474.749.348</u>	<u>12.888.076.838</u>	<u>135.117.236.851</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>(59.628.279.636)</u>	<u>(44.263.249.348)</u>	<u>(12.888.076.838)</u>	<u>(116.779.605.822)</u>
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 2 - 5 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.767.089.147	-	-	4.767.089.147
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.022.040.794	211.500.000	-	4.233.540.794
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100.000.000	-	-	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<u>8.889.129.941</u>	<u>211.500.000</u>	-	<u>9.100.629.941</u>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	28.880.000.000	35.356.000.000	19.318.076.838	83.554.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	38.730.136.629	13.782.906.000	-	52.513.042.629
Chi phí phải trả	657.000.000	-	-	657.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<u>68.267.136.629</u>	<u>49.138.906.000</u>	<u>19.318.076.838</u>	<u>136.724.119.467</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>(59.378.006.688)</u>	<u>(48.927.406.000)</u>	<u>(19.318.076.838)</u>	<u>(127.623.489.526)</u>

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh, đồng thời Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng đang lên kế hoạch thanh toán chi tiết để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:*

Bên liên quan

UBND tỉnh Long An

Mối quan hệ

Cổ đông lớn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 5, 13, 14, 16 và 18; trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
<b>UBND tỉnh Long An</b>		
Chia cổ tức	3.760.066.325	3.075.219.515
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP</b>		
Chia cổ tức	2.328.179.647	1.904.132.232
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An</b>		
Tiền mua nước	85.255.951.666	63.827.404.920

**Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> (Trình bày lại) VND
Ông Phạm Quốc Thắng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	556.283.728	484.048.136
Ông Võ Trung Cang - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	514.767.388	447.690.388
Ông Nguyễn Bảo Tùng - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	498.838.289	435.086.597
Cộng	<u>1.569.889.405</u>	<u>1.366.825.121</u>

**27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 11.663.153.570 VND (năm trước là 4.721.529.973 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, theo đó một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 6.283.185.812 VND (năm trước là 5.140.408.604 VND), là số tiền cổ tức chưa được thanh toán, theo đó một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

Long An, ngày 10 tháng 3 năm 2022